

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI



CHƯƠNG TRÌNH

ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI
(Transport Organization and Management)

MÃ SỐ NGÀNH: 62840103

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1644/QĐ-ĐHHH ngày 26/07/2012
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải)*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI
(Transport Organization and Management)

MÃ SỐ NGÀNH: 62840103

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Về kiến thức

Nghiên cứu sinh (NCS) ngành Tổ chức và Quản lý vận tải có bằng tốt nghiệp thạc sĩ từ năm 2006 đến thời điểm hiện tại và đúng ngành Tổ chức và Quản lý vận tải sẽ phải học các học phần ở trình độ tiến sĩ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải theo quy định.

NCS ngành Tổ chức và Quản lý vận tải nếu đã có bằng thạc sĩ các ngành, chuyên ngành gần với ngành Tổ chức và Quản lý vận tải, hoặc NCS có bằng thạc sĩ đúng ngành Tổ chức và Quản lý vận tải nhưng tốt nghiệp từ năm 2005 trở về trước phải học bổ sung kiến thức trong chương trình đào tạo cao học của ngành Tổ chức và Quản lý vận tải sau đó sẽ học các học phần ở trình độ tiến sĩ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải theo quy định.

Với những người chưa có bằng thạc sĩ được đào tạo ở trình độ tiến sĩ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải, phải hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo cao học trừ luận văn. NCS tự học, tự trang bị thêm những kiến thức căn bản về Tiếng Anh và các môn khoa học có sự giao thoa với khoa học Tổ chức và Quản lý vận tải như toán kinh tế, khoa học quản lý, v.v. Người hướng dẫn khoa học thông qua việc hướng dẫn NCS kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu chuyên ngành cũng như tri thức nghiên cứu khoa học nói chung. Đặc biệt, với nghiên cứu sinh chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải, phải cập nhật những thành tựu nghiên cứu để đạt tới một vốn kiến thức ở trình độ chuyên gia, phải biết phát hiện, đề xuất và tham gia giải quyết những vấn đề mới của chuyên ngành đang theo học.

Mặt khác, mục tiêu chương trình đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ người làm khoa học có đạo đức, trung thực trong khoa học, có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học của ngành kinh tế biển nói riêng và của đất nước nói chung.

Các học phần bổ sung (nếu có), học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và 02 chuyên đề tiến sĩ hoàn thành trong hai năm đầu nghiên cứu. Trong thời gian còn lại, NCS tiếp tục tiến hành hội thảo khoa học về đề tài nghiên cứu, báo cáo khoa học về đề tài nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước (nếu có), có kế hoạch thực tập, thực nghiệm kết quả (nếu có), viết các bài báo khoa học để đăng trên các tạp chí chuyên ngành, bảo vệ luận án các cấp, v.v.

1.2. Về năng lực

Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải, người tốt nghiệp phải có khả năng và trình độ nghiên cứu khoa học độc lập, có thể nghiên cứu ở các Viện, có thể trở thành giảng viên ở các trường Đại học, Cao đẳng hoạt động trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý kinh doanh ở các doanh nghiệp vận tải, xếp dỡ và dịch vụ vận tải nói chung và dịch vụ hàng hải nói riêng.

1.3. Về kĩ năng

Nghiên cứu sinh được đòi hỏi phải rèn luyện có hướng dẫn và tự rèn luyện để có kĩ năng xử lí các vấn đề về tổ chức và quản lý vận tải biển ở trình độ chuyên gia, biết phát hiện, đề xuất và tham gia giải quyết những vấn đề mới của ngành, chuyên ngành đang theo học.

1.4. Về nghiên cứu

Người tốt nghiệp tiến sĩ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải:

- Có phương pháp nghiên cứu độc lập, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào nghiên cứu thực tế sản xuất và quản lý ngành Tổ chức và Quản lý vận tải;
- Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, giảng dạy đại học và sau đại học, hướng dẫn học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ và NCS thực hiện các chuyên đề khoa học và làm luận án tiến sĩ;
- Có khả năng làm việc tập thể, nghiên cứu khoa học và triển khai các dự án, ứng dụng kiến thức được đào tạo vào hoạt động sản xuất và đời sống;
- Có kiến thức và kỹ năng thực hành về ngành, chuyên ngành ở trình độ chuyên gia để áp dụng vào thực tế tổ chức và quản lý đội tàu vận tải biển, cảng biển và dịch vụ hàng hải, v.v.

Mặt khác, sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, NCS có thể:

- Làm cán bộ giảng dạy tại các trường đại học hoặc viện nghiên cứu chuyên ngành;
- Làm các Nghiên cứu viên tại các Viện hoặc Trung tâm nghiên cứu chuyên ngành;
- Làm cán bộ quản lý, cán bộ tổ chức, cán bộ điều hành sản xuất, cán bộ lãnh đạo tại các công ty, doanh nghiệp thuộc về lĩnh vực Tổ chức và Quản lý vận tải;
- Làm chuyên gia trong một số lĩnh vực của ngành kinh tế biển;
- Làm cán bộ quản lý Nhà nước tại một số tổ chức có chức năng về hoạt động khoa học, kinh tế;
- Tự nghiên cứu để đạt học vị cao hơn.

II. TÊN VĂN BẰNG VÀ TUYỂN SINH

2.1. Tên văn bằng

- Tên tiếng Việt: Tiến sĩ kinh tế
- Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Economics.

2.2. Tuyển sinh: Theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phù hợp với Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành. Tuy nhiên, theo từng đối tượng mà chương trình đào tạo có áp dụng các học phần bổ sung, học phần đào tạo trong chương trình cao học ngành Tổ chức và Quản lý vận tải.

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN VÀ KHỐI LƯỢNG TÍN CHỈ HỌC BỔ SUNG CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

A. Đối với NCS có bằng thạc sĩ tại Trường Đại học Hàng hải, Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh (tốt nghiệp từ năm 2005 trở về trước) và đúng ngành Tổ chức và Quản lý vận tải.

Kiến thức bổ sung trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tổ chức và Quản lý vận tải gồm 3 học phần tương đương 6 tín chỉ (TC).

Stt	Bằng chữ	Bằng số	Học phần bổ sung	Số TC
1	VTTO	505	Ứng dụng các phương pháp toán trong	2

			quản lý vận tải biển	
2	VTPT	513	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải biển	2
3	VTTC	518	Tài chính vận tải biển	2

B. Đối với NCS có bằng thạc sĩ hoặc bằng đại học chính quy ngoài Trường Đại học Hàng hải (tốt nghiệp từ năm 2005 trở về trước, hoặc tốt nghiệp chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ):

1. Bao gồm các ngành, chuyên ngành sau:

Giao thông vận tải; Khai thác vận tải; Tổ chức và Quản lý vận tải; Bảo đảm an toàn Hàng hải, Kinh tế vận tải, Quản trị kinh doanh, các chuyên ngành Kinh tế,..

2. Ngành, chuyên ngành được phép dự tuyển: Tổ chức và Quản lý vận tải.

3. Kiến thức bổ sung: chọn 6 học phần trong số các học phần sau đây:

<i>Stt</i>	<i>Bằng chữ</i>	<i>Bằng số</i>	<i>Học phần bổ sung</i>	<i>Số tín chỉ</i>
1	VTTO	505	Ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển	2
2	VTVC	509	Tổ chức kỹ thuật vận chuyển	2
3	VTCA	510	Khai thác cảng	2
4	VTKT	511	Kinh tế hàng hải	2
5	VTPT	513	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải biển	2
6	VTPL	517	Pháp luật vận tải biển	2
7	VTTC	518	Tài chính vận tải biển	2
8	VTLG	519	Logistics trong sản xuất, thương mại và vận tải biển quốc tế	2
9	VTTV	520	Thương vụ vận tải biển	2

C. Đối với người có bằng thạc sĩ hoặc bằng đại học chính quy thuộc các ngành, chuyên ngành khác nếu muốn dự tuyển NCS ngành Tổ chức và Quản lý vận tải sẽ xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của ngành, chuyên ngành đó.

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

TT	Ký hiệu học phần		Tên học phần	Số tín chỉ
	Phần chữ	Phần số		
I.	Các học phần trình độ tiến sĩ			10
1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>			4
1	VTQT	601	Quản trị dự án đầu tư trong vận tải biển	2
2	VTDB	602	Dự báo kinh tế	2
1.2	<i>Các học phần tự chọn: 6 trong 14 tín chỉ</i>			6
3	VTNC	603	Phương pháp nghiên cứu khoa học và công bố các công trình nghiên cứu	2
4	VTDT	604	Tổ chức khai thác đội tàu vận tải biển	2
5	VTTC	605	Thuê tàu và nghiệp vụ thuê tàu	2
6	VTDL	606	Nghiệp vụ đại lý tàu biển	2
7	VTQL	607	Quản lý kỹ thuật đội tàu vận tải biển	2
8	VTCD	608	Hạch toán chuyên đi của tàu vận tải biển	2
9	VTPT	609	Vận tải đa phương thức quốc tế	2
II.	Tiểu luận tổng quan			2
III.	Các chuyên đề tiến sĩ: 2 chuyên đề			4
Tổng cộng				16